

Acrylic painting evaluation criteria

Tiêu chí đánh giá tranh acrylic

Creativity and Observation

Make something that is unusual, unique, thoughtful, or very well-observed. Your artwork should communicate its idea well whether your idea is "a person can be lonely, even in a crowd," or "the petals of flowers are delicate, varied, and unbelievably beautiful."

Sáng tạo và quan sát

Tạo ra điều gì đó khác thường, độc đáo, chu đáo hoặc được quan sát rất kỹ. Tác phẩm nghệ thuật của bạn phải truyền tải rõ ràng ý tưởng của mình cho dù ý tưởng của bạn là "một người có thể cô đơn, ngay cả khi ở trong đám đông" hay "những cánh hoa rất tinh tế, đa dạng và đẹp đến khó tin".

Painting technique

Thoughtful colour mixing including greys, painted with a variety of quality marks and brushstrokes.

Kỹ thuật vẽ tranh

Sự pha trộn màu sắc chu đáo bao gồm cả màu xám, được vẽ bằng nhiều dấu hiệu và nét vẽ chất lượng.

Composition

You should create a painting that uses a clear colour scheme, is non-central, and well-balanced.

Thành phần

Bạn nên tạo một bức tranh sử dụng gam màu rõ ràng, không trung tâm và cân đối.

Từ vựng về tranh acrylic

Analogous colours

Màu sắc tương tự

groups of colours that are next to each other on the colour wheel

các nhóm màu nằm cạnh nhau trên bánh xe màu

Colour composition

Thành phần màu sắc

the arrangement of colours in an artwork

sự sắp xếp màu sắc trong một tác phẩm nghệ thuật

Colour scheme

Cách phối màu

the balanced choice of colours in an artwork

sự lựa chọn cân bằng của màu sắc trong một tác phẩm nghệ thuật

Colour wheel

Bánh xe màu

a circle of coloured sections that shows the relationships between colours

một vòng tròn gồm các phần màu thể hiện mối quan hệ giữa các màu

Complementary colours

Màu sắc bổ sung

colours that are opposites on the colour wheel

những màu đối lập trên bánh xe màu

Cool colours

Màu sắc mát mẻ

colours that are calm and soothing, such as blues and greens

màu sắc bình tĩnh và êm dịu, chẳng hạn như xanh lam và xanh lá cây

Cyan

lục lam

a greenish-blue colour that is one of the colour primaries

một màu xanh lục là một trong những màu cơ bản

Dry brush painting Tranh cọ khô	creating scratchy brushstrokes using a brush that is mostly dry tạo những nét vẽ thô ráp bằng cách sử dụng cọ gần như khô
Dull colours Màu xỉn	colours that are weak, and not very vivid màu sắc yếu và không sống động lắm
Intense colours Màu sắc đậm	colours that are strong and very vivid màu sắc mạnh mẽ và rất sống động
Magenta Màu đỏ tươi	a reddish purple (hot pink) that is one of the colour primaries màu tím đỏ (hồng đậm) là một trong những màu cơ bản
Primary colour Màu cơ bản	a colour that cannot be mixed using other colours, for example: cyan, yellow, and magenta một màu không thể trộn lẫn bằng các màu khác, ví dụ: lục lam, vàng và đỏ tươi
Secondary colour Màu thứ cấp	a colour that is created by mixing two primary colours, for example: red, green, and blue màu được tạo ra bằng cách trộn hai màu cơ bản, ví dụ: đỏ, lục và lam
Split complementary colour scheme Phân chia phối màu bổ sung	a colour scheme using one base colour, and two colours on either side of the complementary một bảng màu sử dụng một màu cơ bản và hai màu ở hai bên của màu bổ sung
Square colour scheme Phối màu hình vuông	a colour scheme in which colours are balanced around the colour wheel in the shape of a square một bảng màu trong đó các màu được cân bằng xung quanh bánh xe màu theo hình vuông
Triangle colour scheme Phối màu hình tam giác	a colour scheme in which colours are balanced around the colour wheel in the shape of a triangle một bảng màu trong đó các màu được cân bằng xung quanh bánh xe màu theo hình tam giác
Warm colours Màu sắc ấm áp	colours that are suggestive of heat or passion: yellows, oranges, and reds màu sắc gợi lên sức nóng hoặc niềm đam mê: vàng, cam và đỏ
Wet-on-wet painting Sơn ướt trên ướt	adding a different colour of wet paint to a painting that is already wet thêm một màu sơn ướt khác vào bức tranh đã ướt